

Bản án số: 1338/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Ông Lê Ngọc Hóa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xử dân sự, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/2018/QĐXXST ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1970; cư trú tại: Đường N, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường N, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, ông N

không chăm lo gia đình, không chung thủy với bà dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Hai người đã sống ly thân từ năm 2013 năm đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông N có hai người con chung tên Nguyễn Phạm Minh Q, sinh năm 1997 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phạm Trúc A, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2006. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hòa giải hoặc nộp (gửi) các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim H và ông Nguyễn Văn N là hôn nhân tự

nguyên và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 53/96, quyển số 01 ngày 25/11/1996 của Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H cho rằng: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do: Ông N không chung thủy, không chăm lo cho gia đình, vợ con; bà và ông N đã không còn chung sống từ năm 2013 cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập hợp lệ nhưng ông N không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hoặc có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải, đưa ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông N không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông N lại vắng mặt. Như vậy, thực chất hôn nhân giữa bà H và ông N đã không còn tồn tại, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu của bà H ly hôn với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông N có hai người con (một người hiện đã trưởng thành), bà H yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con dưới 18 tuổi. Xét thấy, hiện bà H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, về phía ông N như đã nêu trên trong suốt quá trình giải quyết đều vắng mặt. Do đó, để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Phạm Trúc A, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2006 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1970 ly hôn với ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53/96, quyền số 01 ngày 25/11/1996 của Ủy ban nhân dân phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Bà Phạm Thị Kim H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Phạm Trúc A, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2006.

Ông Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0028617 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; bà H đã nộp đủ án phí.

4. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường M, quận G, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân